

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17/4/2018.

*V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con và
chia tài sản chung”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Quốc Thái Bình
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hoàng
Ông Võ Đức Hơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nữ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2017/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2017, về: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 28/3/2018, giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm: 1969. (Có mặt)
Địa chỉ: Khu phố 4, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.
Chỗ ở : Khu phố 9, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.
- 2. Bị đơn:** Anh **Trần Văn H**, sinh năm: 1969. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố 4, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung ngày 03/11/2017 và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Chị và anh Trần Văn H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 1990 tại UBND thị trấn L, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 89, Quyền số 06, cấp ngày 20/10/1990 (Nay là phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận). Quá trình chung sống, giữa chị và anh H sống hạnh phúc một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống về nhiều vấn đề. Anh H không phụ chi các chi phí sinh hoạt gia đình mà thường xuyên nhậu nhẹt và vô cớ đánh đập, xúc phạm chị nhiều lần, vì thương các con, mong muốn níu giữ hạnh phúc gia đình nên chị đã nhiều lần nhẫn nhịn, cho anh H cơ hội nhưng anh H vẫn không thay đổi. Hiện nay vợ chồng không

còn sống chung khoảng 05 tháng nay, chị ra ngoài thuê nhà trọ ở, còn anh H vẫn sống tại nhà chung của vợ chồng, tình cảm của chị đối với anh Hiền không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 05 con chung: Trần Thị Mỹ N, sinh năm: 1989; Trần Thị Mỹ N2, sinh năm: 1992; Trần Thị Mỹ C, sinh năm: 1994; Trần Thị Mỹ L, sinh năm: 1997 và Trần Văn L, sinh ngày 01/01/2003. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Trần Văn L, sinh ngày: 01/01/2003; chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, đối với các con đã trưởng thành chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ngày 25/01/2018, chị T có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Bị đơn anh Trần Văn H: Anh thừa nhận mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Tâm về thời gian đăng ký kết hôn, cũng như con chung của vợ chồng. Anh H cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến, giữa hai vợ chồng không có hiểu nhau. Chị T chơi cờ bạc, không có lo cho gia đình. Trong lúc nóng giận anh có đánh chị Tâm, việc chị T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn, vì vợ chồng đã lớn tuổi, hơn nữa anh muốn vợ chồng hàn gắn để cùng lo cho con cái.

Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, đối với các con đã trưởng thành anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với Trần Văn L thì tùy vào nguyện vọng của L, muốn ở với ai thì ở. Nếu Trần Văn Lợi ở với chị T thì anh không cấp dưỡng nuôi con, nếu L ở với anh thì anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh cũng không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L cho rằng:

- Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Trần Văn H. Về con chung: Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Trần Văn L, sinh ngày: 01/01/2003. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết. Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Sau khi nghe quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T. Bị đơn anh Trần Văn H đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị Nguyễn Thị Thu T nộp đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung”. Bị đơn anh Trần Văn H có nơi cư trú tại khu phố 4, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

[3] *Về hôn nhân*: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trần Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1989, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận từ năm 1990 (Nay là phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận). Trong thời gian chung sống, theo chị T thì vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2007 vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nên hay cãi nhau, anh H không phụ chi các chi phí sinh hoạt gia đình mà thường xuyên nhậu nhẹt và vô cớ đánh đập, xúc phạm chị nhiều lần. Tại phiên tòa, chị T cũng cho rằng chị đã cho anh H nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng không có kết quả. Hiện tình cảm của chị đối với anh H không còn và giữa chị với anh H đã không còn sống chung khoảng 05 tháng nay, chị ra ngoài thuê nhà trọ để ở, còn anh H vẫn sống tại nhà chung của vợ chồng.

Điều này phù hợp với lời khai của anh Trần Văn H là vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, anh có chửi bới, xúc phạm, đánh đập chị T. Và cũng phù hợp với nội dung Biên bản xác minh ngày 27/02/2018 của Tòa án tại Trường khu phố 4, phường P với nội dung: “...Vợ chồng anh H, chị T có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H tính tình nóng nảy, giữa hai vợ chồng thường xảy ra xô xát. Anh H và chị T có 05 con chung, trong đó 04 con đầu đã trưởng thành, người con nhỏ nhất là Trần Văn L - sinh năm 2003, hiện nay sống với chị T. Anh H và chị T hiện nay không còn sống chung 05 tháng nay, anh H sống tại nhà ở khu phố 4, phường P, còn chị T và các con thuê nhà trọ sống tại khu phố 9, phường P ...”. Phù hợp với ý kiến xác minh từ con của anh H và chị T (cháu Trần Thị Mỹ N) có xác nhận của Công an phường P với nội dung: “...Giữa ba mẹ tôi xảy ra mâu thuẫn từ lâu, nguyên nhân là do ba H thường xuyên nhậu nhẹt, nhiều lần đánh mẹ vô cớ. Quá trình ba mẹ sống chung thì mẹ đi làm chi phí sinh hoạt gia đình, ba đi làm kiếm tiền riêng. Hiện nay ba mẹ không sống chung khoảng 05 tháng nay. Em trai Trần Văn L đang ở nhờ nhà của dì, mọi vấn đề sinh hoạt, ăn uống, ăn học thì mẹ T chi trả ...”.

Mặc dù anh H không đồng ý ly hôn nhưng bản thân anh cũng thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ lâu và anh có chửi bới, đánh vợ. Hiện nay anh và chị T không còn sống chung; Toà án cũng đã tiến hành hoà giải nhiều lần nhưng giữa anh chị không có thiện chí hàn gắn. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các thủ tục theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa anh H vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ giữa anh H, chị T không có thiện chí hàn gắn, không tìm được giải pháp cụ thể nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những căn cứ trên, nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị T được ly hôn anh H.

[4] *Về con chung*: Xét yêu cầu nuôi con của chị T và anh H, Hội đồng xét xử xét thấy: Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con. Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét đến việc đảm bảo quyền lợi cho con về mọi mặt. Xét về điều kiện công việc thì chị T có việc làm, có thu nhập và hiện nay chị vẫn đảm bảo việc nuôi dưỡng và chăm sóc cháu L. Bên cạnh đó, cháu Trần Văn L cũng có nguyện vọng ở với chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho chị Nguyễn Thị Thu T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Văn L, sinh ngày: 01/01/2003. Anh Trần Văn H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở, anh Hiền được quyền khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn nếu có căn cứ theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung*: Chị T có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung, vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung.

[6] *Về nợ chung*: Chị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho chị T tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 273 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 58, 69, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Văn L, sinh ngày: 01/01/2003.

Anh Trần Văn H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Để đảm bảo quyền lợi của con chung, anh H được quyền khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn nếu có căn cứ theo quy định pháp luật.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị Thu T.

4. Nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 925.000 (Chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai số 0017528 ngày 10/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Chị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị T số tiền 625.000 (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0017528 ngày 10/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- Đương sự;
- Lưu HS - Lưu Tòa án;
- UBND phường P, thị xã L.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã Ký

Từ Quốc Thái Bình